

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
lĩnh vực Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Kinh tế hợp tác và Phát triển
nông thôn, Biển và hải đảo, Thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 682/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 26 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Biển và hải đảo, Thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở,

ngành có liên quan, tham mưu xây dựng dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 26 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, KINH TẾ
HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO,
THỦY LỢI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

1. Thủ tục: Hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát (3.000235)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về tên thủ tục hành chính

Tại Điều 1 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Lát quy định: “Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát”.

Đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo phù hợp với chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện) và đề án sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh.

b. Về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết

Tại Điều 2 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cụ thể trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 09 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

c. Về thành phần hồ sơ

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định thành phần hồ sơ gồm:

“4. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ gạo của hộ gia đình (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

- Giấy chứng nhận hộ nghèo; Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Quyết định giao đất/Hợp đồng khoán bảo vệ rừng/Giấy tờ chứng minh việc tham gia bảo vệ và phát triển rừng.”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Giấy chứng minh hộ nghèo; Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Quyết định giao đất/Hợp đồng khoán bảo vệ rừng/Giấy tờ chứng minh việc tham gia bảo vệ và phát triển rừng” do UBND cấp xã có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ theo đúng yêu cầu điều kiện mà không bắt người dân phải nộp”*

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Việc cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 2 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện:

Tại Điều 2 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: *“Bước 1: Ủy ban nhân dân xã*

thông báo nội dung, thời gian cấp gạo trước mỗi đợt cấp; sau khi nhận được thông báo, đối với đợt cấp lần đầu trong năm hoặc khi có thay đổi về đối tượng hỗ trợ, hộ gia đình nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả tiếp nhận hồ sơ trong cùng ngày làm việc”.

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến và qua bưu chính công ích. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi cụm từ “*huyện Mường Lát*” tại Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.
- Sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 03/2023/NĐ-CP ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“Điều 2. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân xã rà soát nhu cầu hỗ trợ gạo, xây dựng kế hoạch khối lượng và nhu cầu kinh phí (bao gồm cả chi phí vận chuyển đến địa điểm giao gạo) thực hiện chính sách trên địa bàn xã, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

Trên cơ sở kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí của Ủy ban nhân dân xã, trong thời hạn 15 ngày, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách.

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương hàng năm (trong đó, có dự toán thực hiện chính sách).

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương hàng năm (trong đó có dự toán thực hiện chính sách), Sở Tài chính thông báo ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Riêng các tháng chưa được hỗ trợ gạo trong năm 2025, sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân xã căn cứ đối tượng hỗ trợ và kinh phí được cấp để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp gạo và cấp phát gạo cho người dân theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Tổ chức mua gạo hỗ trợ

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí thực hiện chính sách, Ủy ban nhân dân các xã tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp gạo hỗ trợ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật khác liên quan (đấu thầu mua gạo hàng quý và tổ chức cấp phát gạo hàng tháng đến người dân).

Gạo cấp cho người dân phải đảm bảo chất lượng, được đựng trong bao bì chống ẩm mốc, gồm 02 loại gạo (loại 10 kg/bao và loại 15 kg/bao).

3. Trình tự thực hiện cấp phát gạo hỗ trợ

Bước 1: Ủy ban nhân dân xã thông báo nội dung, thời gian cấp gạo trước mỗi đợt cấp; sau khi nhận được thông báo, đối với đợt cấp lần đầu trong năm hoặc khi có thay đổi về đối tượng hỗ trợ, hộ gia đình nộp (trực tiếp, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

Bước 2: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách, hồ sơ đề nghị hỗ trợ gạo trong tháng và tổ chức thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt danh sách, khối lượng hỗ trợ gạo trên địa bàn xã. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 03 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt danh sách, khối lượng gạo hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị trúng thầu cung cấp gạo hỗ trợ vận chuyển bàn giao đầy đủ số lượng gạo, chất lượng gạo tại Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức cấp phát gạo trực tiếp đến các hộ gia đình thụ hưởng và có sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các các đoàn thể, đảm bảo dân chủ, công khai, kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo quy định; không để tiêu cực, lãng phí xảy ra.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách, khối lượng gạo hỗ trợ, Phòng chuyên môn thuộc UBND xã phối hợp với đơn vị trúng thầu cung cấp

gạo, hỗ trợ vận chuyển bàn giao đầy đủ số lượng, chất lượng gạo tại Ủy ban nhân dân xã, cụm xã, thị trấn (nơi có đường ô tô đến được); tổ chức cấp phát gạo trực tiếp đến các hộ gia đình thụ hưởng và có sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đảm bảo dân chủ, công khai, kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo quy định; không để tiêu cực, lãng phí xảy ra.”

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 481.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 131.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 72,727%.

2. Thủ tục: Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (1.010852)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định Mẫu 04 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC).

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố*” tại Mẫu 04 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

c. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

d. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.*”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều

kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.” - Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Đề nghị sửa đổi Mẫu 04 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025 (có mẫu đơn gửi kèm).

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.225.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 612.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 612.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 50,0%.

**Mẫu 04: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý
rừng bền vững (FSC)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC)**

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư:
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với các nội dung
như sau:

1. Diện tích được Nhà nước giao đất, liên kết hình thành nhóm hộ, hợp tác xã,
hoặc liên kết với các doanh nghiệp:..... ha.
2. Diện tích đã được cấp chứng chỉ FSC:..... ha.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

(Bằng chữ:.....đồng).

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phường.....xem xét./.

....., ngày ... tháng năm..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

3. Thủ tục: Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu (1.010851)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ tiết 1.3.2 điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“đ. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 03).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Hợp đồng giao, khoán đất hoặc Hợp đồng cho thuê đất.

- Giấy xác nhận của Hạt kiểm lâm cấp huyện đã trồng thâm canh luồng, nứa, vầu trên diện tích đề nghị hỗ trợ (bản chính).”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Hợp đồng giao, khoán đất hoặc Hợp đồng cho thuê đất”* và *“Giấy xác nhận của Hạt kiểm lâm cấp huyện đã trồng thâm canh luồng, nứa, vầu trên diện tích đề nghị hỗ trợ (bản chính)”*.

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Mặt khác, hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã, do vậy việc quy định nộp *“Giấy xác nhận của Hạt kiểm lâm cấp huyện đã trồng thâm canh luồng, nứa, vầu trên diện tích đề nghị hỗ trợ (bản chính)”* không còn phù hợp. Vì vậy, việc cắt giảm các thành phần hồ sơ nêu trên sẽ góp phần giảm thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số cũng như tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp hiện nay.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định Mẫu 03 - Hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ *“Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố”* tại Mẫu 03 - Hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: *“...tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy*

định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội

dung thâm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.” - Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Sửa đổi ý đ tiết 1.3.2 điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ: Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.”

- Sửa đổi Mẫu 03 - Hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa (có mẫu đơn gửi kèm).

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.843.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 656.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.187.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 76,923%.

**Mẫu 03: Đơn đề nghị hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng
trồng luồng, nứa, vầu**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết sốNQ-HĐND ngày của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu với các nội dung như sau:

1. Diện tích được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận khoán đất rừng sản xuất đã trồng luồng, nứa, vầu:..... ha.

2. Diện tích rừng trồng luồng, nứa, vầu đề nghị hỗ trợ thực hiện thâm canh...ha;
trong đó:

- Diện tích năm thứ nhất...ha.
- Diện tích năm thứ hai... ha.

III. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

(Bằng chữ: đồng).

Trong đó:

1. Kinh phí đề nghị hỗ trợ thực hiện thâm canh năm thứ nhất: đồng.

(Bằng chữ: đồng).

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ thực hiện thâm canh năm thứ hai:..... đồng.

(Bằng chữ:đồng).

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

4. Thủ tục: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng nuôi cấy mô (1.010849)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ tiết 1.3.1 điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“đ. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 02).

- Giấy xác nhận đã trồng mới rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).

- Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (bản chính).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán giống của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng rừng với đơn vị cung cấp giống và chứng từ hợp lệ (bản sao).”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Giấy xác nhận đã trồng mới rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).”*

Lý do: Hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã. Do vậy, việc quy định thành phần hồ sơ này không còn phù hợp, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính con và chi phí tuân thủ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định Mẫu 02 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố*” tại Mẫu 02 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.*”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận

được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.”- Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Sửa đổi ý đ tiết 1.3.1 điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 02).

- Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (bản chính).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán giống của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng rừng với đơn vị cung cấp giống và chứng từ hợp lệ (bản sao). ”

- Sửa đổi Mẫu 02 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cây mô để trồng rừng sản xuất ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá *(có mẫu đơn gửi kèm).*

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.968.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 918.750 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.050.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 53,333%.

**Mẫu số 02: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống
nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất với các nội dung như sau:

1. Diện tích trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô:.....ha; mật độ cây đã trồng:.....cây/ha.
2. Số lượng cây giống nuôi cấy mô đã đưa vào trồng rừng sản xuất:..... cây.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng/cây xcây = đồng
(Bằng chữ:.....)

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

5. Thủ tục: Hỗ trợ cấp làm đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung (1.010843)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 14 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ tiết 1.3.3 điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ làm đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao). ”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao)”*.

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số

01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Mặt khác, hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã. Do vậy, việc quy định thành phần hồ sơ này không còn phù hợp, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính con và chi phí tuân thủ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số cũng như tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp hiện nay.

c. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

d. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi cách thức thực hiện thành “Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.”

e. Nội dung khác

Do đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này là Ủy ban nhân dân cấp xã nên đề nghị chuyển thủ tục này sang thủ tục hành chính nội bộ.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày

24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1,1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1....

....1.2.2. Đối với các chính sách quy định tại điểm 1.2; tiết 1.3.3 điểm 1.3; tiết 1.5.2, tiết 1.5.3, tiết 1.5.4 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1:

Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính. Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong 04 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định. Trường hợp đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong 01 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo nêu rõ lý do.”

- Sửa đổi ý đ tiết 1.3.3 điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Văn bản đề nghị hỗ trợ làm đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã.”

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.406.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 656.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.700.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 72,727%.

6. Thủ tục: Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao (3.000234)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa quy định thành phần hồ sơ gồm:

“...5. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất năm thứ nhất, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 01).*
- Trích đo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án chứng minh liên vùng, tập trung (bản chính);*
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tối thiểu 5 năm (bản sao).*
- Quyết định phê duyệt dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng*

công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao).

- Bản sao các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao hoặc tài liệu chứng minh khả năng tự ứng dụng công nghệ của chủ dự án (Quy trình áp dụng trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm) (bản sao).

- Giấy chứng nhận tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên đối với sản xuất ứng dụng công nghệ cao; Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trở lên đối với sản xuất theo hướng công nghệ cao (Riêng cây thức ăn chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo yêu cầu bên thu mua sản phẩm theo hợp đồng) (bản sao).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm hoặc hóa đơn, phiếu xuất kho, bán lẻ đối với chủ dự án tự tiêu thụ sản phẩm (bản sao)."

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: "Trích đo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án chứng minh liên vùng, tập trung (bản chính)"; "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tối thiểu 5 năm (bản sao)" và "Quyết định phê duyệt dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao)".

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Việc cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định Mẫu 01 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ "*Chủ tịch*

UBND huyện/thị xã/thành phố” tại Mẫu 01 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “*Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.*”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi sửa đổi ý b khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh) theo hướng như sau:

“...6. *Trình tự, thủ tục hỗ trợ*

...b) *Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:*

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.*

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- *Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.”*

- *Sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng như sau:*

“...5. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất năm thứ nhất, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 01).

- Bản sao các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao hoặc tài liệu chứng minh khả năng tự ứng dụng công nghệ của chủ dự án (Quy trình áp dụng trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản

sản phẩm) (bản sao).

- Giấy chứng nhận tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên đối với sản xuất ứng dụng công nghệ cao; Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trở lên đối với sản xuất theo hướng công nghệ cao (Riêng cây thức ăn chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo yêu cầu bên thu mua sản phẩm theo hợp đồng) (bản sao).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm hoặc hóa đơn, phiếu xuất kho, bán lẻ đối với chủ dự án tự tiêu thụ sản phẩm (bản sao)."

- Đề nghị sửa đổi Mẫu 01 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị quyết số Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá (có mẫu đơn gửi kèm).

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 918.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 393.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 525.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 57,143%.

Mẫu 01: Đơn đề nghị hỗ trợ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày ...
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, với nội dung như sau:

1. Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm he chân trắng
 - a) Dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao
 - Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ.....triệu đồng.
 - Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.
 - b) Dự án sản xuất theo hướng công nghệ cao
 - Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ.....triệu đồng.
 - Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.
2. Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao
 - Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ.....triệu đồng.

trợ.....triệu đồng.

- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.

3. Nhóm: Cây lúa, cây mía, cây thức ăn chăn nuôi sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao

- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... triệu đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/ CÁ NHÂN**
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

7. Hỗ trợ chi phí mua giống cây ăn quả (1.010855)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ tiết 1.5.1 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“...đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- *Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 06).*
- *Giấy xác nhận diện tích đã trồng mới cây ăn quả của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính).*
- *Hợp đồng với tổ chức chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên (bản sao).*
- *Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán giống của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng cây ăn quả với đơn vị cung cấp giống và chứng từ theo quy định (bản sao). ”*

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Giấy xác nhận diện tích đã trồng mới cây ăn quả của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản chính)”*.

Lý do: Hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã. Do vậy, việc quy định về thành phần hồ sơ này không còn phù hợp, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính con và chi phí tuân thủ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định Mẫu 06 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố*” tại định Mẫu 06 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.*”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

7.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày

24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh

phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.”- Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Đề nghị sửa đổi ý đ tiết 1.5.1 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025 theo hướng như sau:

“...đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 06).

- Hợp đồng với tổ chức chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên (bản sao).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán giống của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng cây ăn quả với đơn vị cung cấp giống và chứng từ theo quy định (bản sao). ”

- Đề nghị sửa đổi Mẫu 06 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá (có mẫu đơn gửi kèm).

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 918.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 306.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 612.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 66,667%.

Mẫu số 06: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả
(Ban hành kèm theo Nghị quyết sốNQ-HĐND ngày của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
 Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả với các nội dung như sau:

1. Diện tích cây ăn quả tập trung đã trồng:ha.
 - Nhóm cây cam, bưởi, xoài:ha.
 - Nhóm cây ổi, chuối, thanh long ruột đỏ và các loại cây ăn quả khác:ha.

(Diện tích trên đã được xác định để phát triển cây ăn quả tập trung theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh).

2. Lượng giống đã sử dụng:

- Nhóm cây cam, bưởi, xoài:ha xcây/ha =cây.
- Nhóm cây ổi, chuối, thanh long ruột đỏ và các loại cây ăn quả khác:ha.
ha xcây/ha =cây.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

8. Hỗ trợ kinh phí hợp đồng thuê hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung (1.010842)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 14 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa quy định mẫu *Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí hợp đồng thuê hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã*. Do đó, để góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay, đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ đối với thủ tục hành chính này.

c. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện thành UBND cấp tỉnh.

d. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi cách thức thực hiện thành “Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.”

e. Nội dung khác

Do đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này là Ủy ban nhân dân cấp xã nên đề nghị chuyển thủ tục này sang thủ tục hành chính nội bộ.

8.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1,1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1

....1.2.2. Đối với các chính sách quy định tại điểm 1.2; tiết 1.3.3 điểm 1.3; tiết 1.5.2, tiết 1.5.3, tiết 1.5.4 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1:

Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính. Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong 04 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định. Trường hợp đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong 01 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo nêu rõ lý do.”

- Đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ (có mẫu văn bản gửi kèm).

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 568.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 175.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 393.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 69,231%.

Mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày ...
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-UBND

....., ngày..... thángnăm.....

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê hướng dẫn kỹ thuật
sản xuất cây ăn quả tập trung**

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

I. Thông tin chung

UBND xã..... đã xây dựng vùng cây ăn quả tập trung tại thôn/bản....., diện tích ha, loại cây trồng, UBND xã đã ký hợp đồng thuê hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung, đảm bảo các điều kiện thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND tỉnh.

II. Nội dung đề nghị

Đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung, cụ thể:

Số lượng: người

Thời gian hợp đồng thuê: tháng

Kinh phí đề nghị hỗ trợ: tháng x 5 triệu đồng/tháng=..... triệu đồng

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

-
- Lưu:

ĐẠI DIỆN UBND XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

9. Thủ tục Hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung (1.010840)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 14 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ tiết 1.5.2 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- *Văn bản đề nghị hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã.*

- *Hợp đồng với tổ chức chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGAP trở lên (bản sao)."*

- *Quyết định phê duyệt phương án sản xuất cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao).*

- *Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng vùng trồng cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao)."*

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *"Quyết định phê duyệt phương án sản xuất*

cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao)” và “Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng vùng trồng cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao)”.

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Mặt khác, hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã. Do vậy, việc quy định thành phần hồ sơ này không còn phù hợp, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính con và chi phí tuân thủ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số cũng như tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp hiện nay.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa quy định mẫu *Văn bản đề nghị hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã*. Do đó, để góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay, đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ đối với thủ tục hành chính này.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết

định từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi cách thức thực hiện thành “Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.”

g. Nội dung khác

Do đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này là Ủy ban nhân dân cấp xã nên đề nghị chuyển thủ tục này sang thủ tục hành chính nội bộ.

9.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1,1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1....

....1.2.2. Đối với các chính sách quy định tại điểm 1.2; tiết 1.3.3 điểm 1.3; tiết 1.5.2, tiết 1.5.3, tiết 1.5.4 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1:

Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính. Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong 04 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định. Trường hợp đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong 01 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo nêu rõ lý do.”

- Sửa đổi ý đ điểm 1.5.2 điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025 theo hướng như sau:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hợp đồng với tổ chức chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGAP trở lên (bản sao). ”

- Bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ (có mẫu văn bản gửi kèm).

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.462.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.050.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.412.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 76,471%.

Mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày ...
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-UBND

....., ngày..... thángnăm.....

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng
vùng sản xuất cây ăn quả tập trung**

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

I. Thông tin chung

UBND xã đã xây dựng vùng cây ăn quả tập trung tại thôn/bản....., diện tíchha, loại cây trồng..... đảm bảo các điều kiện thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND tỉnh.

UBND xã đã ban hành:

Quyết định số ngày tháng năm về việc phê duyệt phương án sản xuất cây ăn quả tập trung.

Quyết định số ngày tháng năm về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng vùng trồng cây ăn quả tập trung.

II. Nội dung đề nghị

Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung:

Loại hình: đường giao thông/hệ thống cấp nước/hệ thống điện; quy cách.....

Kinh phí đề nghị hỗ trợ: 5 tỷ đồng/vùng

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

-
- Lưu:

ĐẠI DIỆN UBND XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

10. Thủ tục Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung (1.010841).

10.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 14 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa quy định mẫu *Văn bản đề nghị hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã*. Do đó, để góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay, đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ đối với thủ tục hành chính này.

c. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ

tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

d. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi cách thức thực hiện thành “Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.”

e. Nội dung khác

Do đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này là Ủy ban nhân dân cấp xã nên đề nghị chuyển thủ tục này sang thủ tục hành chính nội bộ.

10.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1,1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1....

....1.2.2. Đối với các chính sách quy định tại điểm 1.2; tiết 1.3.3 điểm 1.3; tiết 1.5.2, tiết 1.5.3, tiết 1.5.4 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1:

Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính. Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong 04 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định. Trường hợp đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong 01 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo nêu rõ lý do.”

- Đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ (có mẫu văn bản gửi kèm).

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 568.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 175.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 393.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 69,231%.

Mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết sốNQ-HĐND ngày ...
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../TTTr-UBND

....., ngày..... thángnăm.....

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật
sản xuất cây ăn quả tập trung**

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

I. Thông tin chung

UBND xã..... đã xây dựng vùng cây ăn quả tập trung tại thôn/bản....., diện tíchha, loại cây trồng , UBND xã đã tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung đảm bảo các điều kiện thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND tỉnh.

II. Nội dung đề nghị

Đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung, cụ thể:

Số lượng: lớp

Kinh phí đề nghị hỗ trợ: lớp x 65 triệu đồng/lớp=..... triệu đồng

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

-
- Lưu:

ĐẠI DIỆN UBND XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

11. Thủ tục: Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh (1.010848).

11.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“...đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ năm thứ nhất:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 01).

+ Quyết định phê duyệt dự án sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Hợp đồng thuê kiểm soát chất lượng, biên bản kiểm soát, kết quả phân tích chất lượng mẫu sản phẩm hàng tháng (bản sao).

+ Giấy chứng nhận VietGAP trở lên đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ năm thứ nhất hoặc Giấy chứng nhận duy trì tiêu chuẩn VietGAP trở lên còn hiệu lực đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ từ năm thứ 2 (bản sao).”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “*Quyết định phê duyệt dự án sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*”.

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Mặt khác, hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã. Do vậy, việc quy định thành phần hồ sơ này không còn phù hợp, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính con và chi phí tuân thủ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số cũng như tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp hiện nay.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định Mẫu 01 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố*” tại Mẫu 01 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.*”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

11.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến

khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.” - Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Sửa đổi ý đ điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 theo hướng như sau:

“...đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 01).

- Hợp đồng thuê kiểm soát chất lượng, biên bản kiểm soát, kết quả phân tích chất lượng mẫu sản phẩm hằng tháng (bản sao).

- Giấy chứng nhận VietGAP trở lên đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ năm thứ nhất hoặc Giấy chứng nhận duy trì tiêu chuẩn VietGAP trở lên còn hiệu lực đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ từ năm thứ 2 (bản sao).”

- Đề nghị sửa đổi Mẫu 01 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa (có mẫu đơn gửi kèm).

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.781.250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.431.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm 7.350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 53,333%.

Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh với nội dung như sau: Diện tích sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đề nghị hỗ trợ:...ha; trong đó, vùng đồng bằng, ven biển... ha, vùng miền núi...ha.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

1. Kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng của vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh....đồng.
2. Kinh phí kiểm soát quá trình sản xuất rau an toàn và chứng nhận/duy trì chứng nhận VietGAP...đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:.....đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

12. Thủ tục: Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung (1.010800)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 14 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ điểm 1.2 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“...đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao).

- Giấy chứng nhận VietGAHP trang trại chăn nuôi còn hiệu lực (bản sao).”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao)”*.

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính

phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Mặt khác, hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã. Do vậy, việc quy định thành phần hồ sơ này không còn phù hợp, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính con và chi phí tuân thủ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số cũng như tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp hiện nay.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa quy định mẫu *Văn bản đề nghị hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã*. Do đó, để góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay, đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ đối với thủ tục hành chính này.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện thành UBND tỉnh.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ về Bộ phận Tiếp*

nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi cách thức thực hiện thành “*Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.*”

g. Nội dung khác

Do đối tượng thực hiện thủ tục hành chính này là Ủy ban nhân dân cấp xã nên đề nghị chuyển thủ tục này sang thủ tục hành chính nội bộ.

12.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1,1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1....

....1.2.2. Đối với các chính sách quy định tại điểm 1.2; tiết 1.3.3 điểm 1.3; tiết 1.5.2, tiết 1.5.3, tiết 1.5.4 điểm 1.5 khoản 1 Điều 1:

Ủy ban nhân dân cấp xã có Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính. Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong 04 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định. Trường hợp đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong 01 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo nêu rõ lý do.”

- Đề nghị sửa đổi ý đ điểm 1.2 khoản 1 điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025 theo hướng như sau:

“...đ) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- *Văn bản đề nghị hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung;*
- *Giấy chứng nhận VietGAHP trang trại chăn nuôi còn hiệu lực (bản sao). ”*
- *Đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ (có mẫu văn bản gửi kèm).*

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 656.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 175.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 481.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 73,333%.

Mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày ... của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc))

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-UBND

....., ngày..... thángnăm.....

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

I. Thông tin chung

UBND xã..... đề nghị hỗ trợ kinh phí hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung với những nội dung sau:

Đề nghị hỗ trợ chi phí xây dựng hạ tầng gồm: Đường giao thông, đường điện, hệ thống cấp nước đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung đảm bảo các điều kiện thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND tỉnh.

II. Nội dung

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

1. Kinh phí xây dựng hạ tầng đường giao thông đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung :..... đồng.

2. Kinh phí xây dựng hạ tầng đường điện đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung:..... đồng.

3. Kinh phí xây dựng hạ tầng hệ thống cấp nước đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung:..... đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

-
- Lưu:

ĐẠI DIỆN UBND XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

13. Thủ tục: Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP (3.000232)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định Mẫu 08 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố*” tại Mẫu 08 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

c. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

d. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.*”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

13.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ,

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.” - Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Đề nghị sửa đổi Mẫu 08 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (có mẫu đơn gửi kèm).

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.871.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.968.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 2.902.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 59,584%.

**Mẫu 08: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền;
chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng
thương hiệu cho các sản phẩm OCOP**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết sốNQ-HĐND ngày của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác
hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP**

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên Chủ thể OCOP:
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP với những nội dung sau:

1. Tên sản phẩm thứ nhất đề nghị hỗ trợ
 - Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền (như: xây dựng video clip, phóng sự, tờ rơi, quảng cáo....), gồm:
 - Hỗ trợ chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa, gồm:
 - Hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm OCOP (như: bộ nhận diện thương hiệu, logo nhận diện, Website, facebook, fanpage...), gồm:
2. Tên sản phẩm thứ 2 đề nghị hỗ trợ
 - Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền (như: xây dựng video clip, phóng sự, tờ rơi, quảng cáo....), gồm:
 - Hỗ trợ chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa, gồm:
 - Hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm OCOP (như: bộ nhận diện thương hiệu, logo nhận diện, Website, facebook, fanpage...), gồm:

3. Tên sản phẩm thứ đề nghị hỗ trợ

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

1. Kinh phí đề nghị hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền: đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ thiết kế, bao bì, nhãn mác hàng hóa: đồng.

3. Kinh phí hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm: đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/HỘ GIA ĐÌNH

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

14. Thủ tục: Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi (1.010854)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 17 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại ý đ điểm 1.4 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định thành phần hồ sơ gồm:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 05).

- Giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hiệu lực (bản sao).

- Hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, hợp đồng, thanh lý hợp đồng đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác hải sản bằng vật liệu mới của chủ tàu cá với đơn vị thi công (bản sao).”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: *“Giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và*

giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hiệu lực (bản sao).”

Lý do: Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đối với thành phần hồ sơ này cơ quan nhà nước có thể chủ động tra cứu thông tin lưu trữ mà không yêu cầu người dân phải nộp. Việc cắt giảm thành phần hồ sơ sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 quy định Mẫu 05 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị bỏ cụm từ “*Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố*” tại Mẫu 05 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “...*tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy*

định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

14.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“1.2. Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

1.2.1. Đối với các chính sách tại điểm 1.1; tiết 1.3.1, tiết 1.3.2, tiết 1.3.4 điểm 1.3; điểm 1.4; tiết 1.5.1 điểm 1.5; điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều 1:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định

hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ. Đồng thời, báo cáo Sở Tài chính bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.” - Đề nghị sửa đổi mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025.”

- Sửa đổi ý đ điểm 1.4 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 theo hướng như sau:

“đ) Thành phần hồ sơ đề nghị:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 05).

- Hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, hợp đồng, thanh lý hợp đồng đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác hải sản bằng vật liệu mới của chủ tàu cá với đơn vị thi công (bản sao).”

- Đề nghị sửa đổi Mẫu 05 - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi ban hành kèm theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025 (có mẫu đơn gửi kèm).

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 598.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 218.750 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 380.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 63,466%.

Mẫu 05: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Là chủ tàu cá số đăng ký:.....
6. Công suất máy chính:.....KW (CV); Kích thước tàu: chiều dài.....m, chiều rộng.....m, chiều cao.....m.
7. Nghề chính:.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành còn hiệu lực tại thời điểm nhận hỗ trợ.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

15. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.011467)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 07 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

b. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 đã quy định Mẫu số 02 - Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Tuy nhiên, đề nghị bỏ mục 6 (vì trong mục 7 dự toán kinh phí đã phải có đầy đủ các nội dung hoạt động của dự án); bỏ mục 12 (các nội dung liên quan khác) tại Mẫu số 02.

Lý do: Hiện nay, thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ

tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Vì vậy việc cắt giảm một số nội dung của mẫu đơn sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay.

c. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

d. Về cách thức thực hiện

Tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “*Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.*”

Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh*.

15.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“Điều 6. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất

1. Thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và lập hồ sơ dự án

a) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm

yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.

3. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

b) Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, các phòng, đơn vị chuyên môn có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

d) Nội dung thẩm định: Xem xét, đánh giá hồ sơ, nội dung dự án bảo đảm theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Phê duyệt dự án, phương án sản xuất

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

Trường hợp từ chối phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối. ”

- Đề nghị sửa đổi mẫu đề cương (có mẫu đề cương gửi kèm).

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 392.743.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 175.481.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 217.262.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 55,319%.

**Mẫu số 02. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo
hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết sốNQ-HĐND ngày ...
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
.....
3. Đối tượng tham gia:
4. Thời gian triển khai:
5. Địa bàn thực hiện:
6. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lòng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):
7. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):
8. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:
9. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):
10. Tổ chức thực hiện dự án:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

16. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 (1.011468).

16.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 07 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

b. Về thành phần hồ sơ

Tại Điều 5 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định thành phần hồ sơ gồm:

“2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, hồ sơ đề nghị gồm:

a) Biên bản họp dân theo Mẫu số 01 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư theo Mẫu số 02 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Dự án, phương án hỗ trợ sản xuất cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “*Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư theo Mẫu số 02 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết này*”.

Lý do: Trong nội dung của *Dự án, phương án hỗ trợ sản xuất cộng đồng theo* (Mẫu số 03 Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa) đã thể hiện đầy đủ thông tin tại đơn đề nghị.

c. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Phụ lục Mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa đã quy định Mẫu số 03 - Dự án, phương án hỗ trợ sản xuất cộng đồng.

Tuy nhiên, đề nghị bỏ mục 6 (vì trong mục 7 dự toán kinh phí đã phải có đầy đủ các nội dung hoạt động của dự án) và bỏ các mục 9, 11, 15 trong Mẫu số 03.

Lý do: Hiện nay, thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Vì vậy việc cắt giảm một số nội dung của mẫu đơn sẽ góp phần giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân và phù hợp với chủ trương chuyển đổi số hiện nay.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “*Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án,*

phương án sản xuất.”

Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTTC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh*.

16.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi Điều 6 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“Điều 6. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất

1. Thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và lập hồ sơ dự án

a) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.

3. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

b) Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, các phòng, đơn vị chuyên môn có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

d) Nội dung thẩm định: Xem xét, đánh giá hồ sơ, nội dung dự án bảo đảm

theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Phê duyệt dự án, phương án sản xuất

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia)

Trường hợp từ chối phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.”

- Đề nghị sửa đổi Mẫu số 03 - Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (có mẫu dự án gửi kèm).

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 53.462.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23.887.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 29.575.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 55,319%.

Mẫu số 03: Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
thuộc Chương trình MTQG

Tên dự án:

1. Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:

b) Mục tiêu cụ thể: Sau chu kỳ sản xuất các đối tượng tham gia dự án sẽ tăng thu nhập từ ... đồng trở lên (xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được và quy đổi thành tiền theo giá trị tại thời điểm tính toán); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: ... hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Đối tượng tham gia dự án đạt ...% ($\geq 50\%$) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án ... hoặc Dự án thuộc Chương trình MTQG; trong đó có% đối tượng tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo.

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn triển khai dự án:

6. Tổng kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng

- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(Có mẫu dự toán chi tiết đính kèm theo)

7. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
- Thời gian hỗ trợ: Năm hoặc Giai đoạn

8. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

9. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

11. Tổ chức thực hiện dự án:

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

17. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi 01 huyện, thị xã, thành phố (liên kết cấp huyện) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.011466)

17.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về tên thủ tục hành chính

Tên thủ tục hành chính được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “*Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi 01 xã, phường (liên kết cấp xã) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*” để đảm bảo phù hợp với chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện) và đề án sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh.

b. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

c. Về thành phần hồ sơ

Tại Điều 2 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Chương III Nghị định số

98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp) quy định thành phần hồ sơ gồm:

“Điều 2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết

- *Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);*

- *Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);*

- *Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;*

- *Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).”*

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Đơn đề nghị của chủ trì liên kết” do trong nội dung của “Dự án liên kết” (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc “Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết” (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) đã thể hiện đầy đủ thông tin tại đơn đề nghị.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

e. Về cách thức thực hiện

Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh*.

17.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa cụm từ “*các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một huyện, thị xã, thành phố (liên kết cấp huyện)*” thành “*các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã, phường (liên kết cấp xã)*” tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Sửa đổi Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 3 thành:

“1. Khảo sát, lập hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết: Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết để xác định sự phù hợp, cần thiết của liên kết trên địa bàn. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất về sự phù hợp, Đơn vị chủ trì liên kết tiến hành lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.”

+ Sửa đổi ý b khoản 2 Điều 3 thành:

“b) Đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết.”

+ Sửa đổi ý b khoản 3 Điều 3 thành:

“b) Đối với liên kết cấp xã: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, các phòng, đơn vị chuyên môn khác có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong

đó nêu rõ lý do.”

+ Sửa đổi khoản 4 thành:

“4. Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của các cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm đ, Khoản 3, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.”

- Đề nghị sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“Điều 2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết

- *Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);*

- *Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;*

- *Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).”*

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 43.881.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 21.568.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 22.312.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 50,847%.

18. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên (liên kết cấp tỉnh) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.011465)

18.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về tên thủ tục hành chính

Tên thủ tục hành chính được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính thành “*Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi 02 xã, phường trở lên (liên kết cấp tỉnh) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*” để đảm bảo phù hợp với chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện) và đề án sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh.

b. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy sau sáp nhập các sở, ngành trên địa bàn tỉnh, đề nghị sửa đổi các cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau: “*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” thành “*Sở Nông nghiệp và Môi trường*”, “*Ban Dân tộc*” thành “*Sở Dân tộc và Tôn giáo*”, đối với các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển về Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn

giải quyết đối với thủ tục này từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

c. Về thành phần hồ sơ

Tại Điều 2 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Chương III Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp) quy định thành phần hồ sơ gồm:

“Điều 2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết

- Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);

- Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).”

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Đơn đề nghị của chủ trì liên kết” do trong nội dung của “Dự án liên kết” (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc “Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết” (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) đã thể hiện đầy đủ thông tin tại đơn đề nghị.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với thủ tục hành chính này là:

“Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Đối với các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Ban Dân tộc: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục

tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.”

Tuy nhiên hiện nay, căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đề nghị sửa nội dung các cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau: “*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” thành “*Sở Nông nghiệp và Môi trường*”, “*Ban Dân tộc*” thành “*Sở Dân tộc và Tôn giáo*”, đối với các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển về Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ.

e. Về cách thức thực hiện

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định cách thức thực hiện như sau: “*Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc của cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.*”

Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc của cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh* thành *Bộ phận Một cửa các cấp*.

18.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi cụm từ “*các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi từ 02 huyện, thị xã, thành phố (liên kết cấp tỉnh)*” thành “*các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi từ 02 xã, phường (liên kết cấp tỉnh)*” tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Sửa đổi Điều 3 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

+ Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 thành:

“*b) Đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi từ 02 xã trở lên (liên kết cấp tỉnh): Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ*

bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các Sở như sau:

Sở Nông nghiệp và Môi trường: Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Sở Dân tộc và Tôn giáo: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”

+ Sửa đổi ý a khoản 3 Điều 3 thành:

“b) Đối với liên kết cấp tỉnh: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận hồ sơ; thành viên gồm đại diện Sở Tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); các thành viên là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.”

+ Sửa đổi khoản 4 thành:

“4. Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của các cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm đ, Khoản 3, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho Đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.”

- Đề nghị sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“Điều 2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết

- Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).”

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước. khi đơn giản hóa: 28.393.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.956.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.437.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 50,847%.

19. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 m³ (tấn)) đóng trên địa bàn quản lý của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (1.007870)

19.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại Điều 8, Điều 9 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá) đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp huyện và tổng thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện, chuyển thẩm quyền cơ quan quyết định quy định tại Điều 8, Điều 9 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

Mặt khác, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt giảm 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

b. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 8, Điều 9 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với thủ tục hành chính này là UBND cấp huyện.

Tuy nhiên hiện nay, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), do đó đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

c. Về thành phần hồ sơ

Tại khoản 2 Điều 9 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014

của UBND tỉnh Thanh Hoá quy định số lượng các thành phần hồ sơ mà phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trình UBND cấp huyện như sau:

“2. Cơ quan lập Hồ sơ: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

a) Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

- Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND cấp huyện phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (01 bản chính);

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (05 bản chính);

- Ý kiến thẩm định của phòng Tài nguyên và Môi trường (01 bản chính);

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến thẩm định của phòng Tài nguyên và Môi trường (05 bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).”

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phần lớn các TTHC đều được đưa vào thực hiện trên môi trường điện tử và được thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử. Do đó, đề nghị cắt giảm số lượng *Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu* từ 05 bản chính xuống còn 01 bản chính; *Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến thẩm định của phòng Tài nguyên và Môi trường* từ 05 bản chính xuống còn 03 bản chính.

d. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 3 Điều 6 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa) quy định cách thức thực hiện như sau: *“Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến hoặc qua đường bưu điện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.”*

Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ và chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh*.

19.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi khoản 3 Điều 6, Điều 8, Điều 9 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 6 thành:

“3. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã.”

- Sửa đổi Điều 8 thành:

“Điều 8. Trình tự, thủ tục, thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận và tiến hành rà soát thành phần hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ thì có ý kiến và hướng dẫn cho cơ sở ngay khi tiếp nhận hồ sơ; trường hợp thành phần hồ sơ đầy đủ thì viết phiếu tiếp nhận cho cơ sở và chuyển hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã ngay trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo.

2. Trong thời gian 09 (chín) ngày làm việc (không kể ngày nghỉ) kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định Kế hoạch theo trình tự sau:

a) Trước khi thẩm định phải xin ý kiến thẩm định bằng văn bản của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã có liên quan đến lĩnh vực công thương, nông nghiệp và môi trường, quản lý đô thị (nếu có) và cảnh sát phòng cháy chữa cháy phụ trách địa bàn và có thể xin ý kiến của các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực dầu khí, môi trường, phòng cháy chữa cháy, giao thông, hàng hải (nếu thấy cần thiết).

b) Khi thẩm định, nếu thấy cần thiết có thể tiến hành các hoạt động điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận.

c) Trường hợp Kế hoạch được Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã thẩm định thông qua nhưng có chỉnh sửa, bổ sung thì tham mưu cho UBND cấp xã ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch; trường hợp Kế hoạch được Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã thẩm định thông qua, không phải chỉnh sửa thì lập hồ sơ đề nghị UBND xã phê duyệt Kế hoạch.

Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ Kế hoạch theo ý kiến thẩm định của Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã”.

- Sửa đổi Điều 9 thành:

“Điều 9. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. UBND cấp xã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển (sự cố tràn dầu có lượng dầu tràn dưới 20 m³ (tấn) trên địa bàn quản lý.

2. Cơ quan lập Hồ sơ: Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã.

a) Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (01 bản chính);

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (01 bản chính);

- Ý kiến thẩm định của Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã (01 bản chính);

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến thẩm định của Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã (03 bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3. Thời gian phê duyệt và trả kết quả:

Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, UBND cấp xã ký Quyết định phê duyệt và xác nhận vào Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở. Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp xã lưu hồ sơ và chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã lưu và trả kết quả là Quyết định phê duyệt và 01 bản Kế hoạch đã được xác nhận của UBND cấp xã cho chủ cơ sở”.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.512.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.143.750 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm 3.368.750 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 61,11%.

20. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với: Các cơ sở hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trừ các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 m³ (tấn)) (1.007272)

20.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá) đã quy định rõ trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết của thủ tục này. Theo đó, tổng thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc.

Tuy nhiên, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt hiện 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

b. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ là “Sở Tài nguyên và Môi trường”, cơ quan có trách nhiệm tham mưu ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành tổ chức thẩm định là Chi cục Biển và Hải đảo; cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND tỉnh.

Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa thành “Sở Nông nghiệp và Môi trường”, cơ quan có trách nhiệm tham mưu ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành tổ chức thẩm định đề nghị sửa thành “Chi cục Biển đảo và Thủy sản”. Đồng thời, theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026, đề nghị chuyển thẩm quyền quyết định từ UBND tỉnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường nhằm tăng tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan chuyên môn, giảm thời gian giải

quyết thủ tục hành chính và phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c. Về cách thức thực hiện

Tại khoản 3 Điều 11 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Quyết định 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa) quy định cách thức thực hiện như sau: *“Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.”*

Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ và chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh*.

20.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Quyết định 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“3. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định nộp hồ sơ trực tuyến/trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường.”

- Đề nghị sửa đổi khoản 9 Điều 1 Quyết định 49/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“2. Trong thời gian 11 (mười một) ngày làm việc (không kể ngày nghỉ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Biển đảo và Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa có trách nhiệm tham mưu ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành tổ chức thẩm định theo quy định sau: ”

- Đề nghị sửa đổi Điều 16 Quyết định 49/2022/QĐ-UBND và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

“Điều 16. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở tại địa phương có hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trừ trường hợp quy định tại Điều 9.

2. Cơ quan lập hồ sơ: Chi cục Biển đảo và Thủy sản.

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (01 bản chính);

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (01 bản giấy và bản số);

- Biên bản họp thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Hội đồng thẩm định (01 bản chính);

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định (05 bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3. Thời gian phê duyệt và trả kết quả:

a) Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

b) Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc từ khi nhận Quyết định phê duyệt Kế hoạch, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lưu hồ sơ và trả kết quả là Quyết định phê duyệt và 01 bản Kế hoạch đã được xác nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường cho chủ cơ sở.”

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.687.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.656.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm 12.031.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 61,111%.

21. Thủ tục: Cấp giấy phép cắt xẻ đê để xây dựng công trình, xây dựng công qua đê, khoan đào trong phạm vi bảo vệ đê điều và xây dựng công trình đặc biệt (công trình quốc phòng - an ninh, giao thông, thông tin liên lạc, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền; di tích lịch sử, văn hóa, khu phố cổ, làng cổ; cụm tuyến dân cư sống chung với lũ và trên các cù lao) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006672)

21.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về tên thủ tục hành chính

Tại Điều 2 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa quy định tên thủ tục hành chính này.

Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính này thành “*Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” để thống nhất công bố 01 thủ tục chung liên quan đến hoạt động quản lý đê điều theo quy định tại Quyết định số 1524/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b. Về thành phần, số lượng bộ hồ sơ

Tại Điều 3 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ thành phần và số lượng bộ hồ sơ gồm:

“Điều 3 . Hồ sơ xin cấp giấy phép:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép cho các hoạt động cụ thể liên qua đến đê điều.

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư của công trình, dự án có liên quan đến đê điều.

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình (đối với dự án thực hiện 2 bước); phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với dự án thực hiện 1 bước).

- Ý kiến bằng văn bản của các cấp, các ngành liên quan về công trình, dự án gồm: Tài liệu khảo sát địa hình, địa chất (bao gồm báo cáo kết quả khảo sát, biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát và các bản vẽ như Bình đồ hiện trạng, Cắt

dọc, Cắt ngang ...); bản thuyết minh và các bản vẽ kỹ thuật.

- Tài liệu tính toán về ảnh hưởng của công trình đến thoát lũ, dòng chảy, lòng sông, bờ sông và an toàn đê điều đã được cơ quan chức năng có tư cách pháp nhân thẩm định bằng văn bản (đối với hoạt động ở bãi sông, lòng sông);

- Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc chỉ định thầu thi công công trình;

- Tiến độ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Văn bản cam kết của tổ chức, cơ quan, đơn vị xin cấp giấy phép và của nhà thầu thi công về thực hiện theo đúng giấy phép cho phép của UBND tỉnh, về chấp hành các quy định của Luật đê điều và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình đê điều, không làm cản trở gây ách tắc dòng chảy trong quá trình thi công và trong mùa lụt, bão.

b) Số lượng hồ sơ

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải chuẩn bị:

- Đối với các trường hợp: Cắt xẻ đê để xây dựng công trình (bao gồm cả xây dựng cống qua đê); Khoan đào trong phạm vi bảo vệ đê điều và xây dựng công trình đặc biệt (công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thông tin liên lạc, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm; Cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền; Di tích lịch sử, văn hóa, khu phố cổ, làng cổ; Cụm tuyến dân cư sống chung với lũ và trên các cù lao) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông: 04 bộ Hồ sơ (01 bộ bản chính, 03 bộ bản sao).

- Đối với các trường hợp còn lại: 03 bộ hồ sơ (01 bộ bản chính, 02 bộ bản sao)."

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: "Văn bản cam kết của tổ chức, cơ quan, đơn vị xin cấp giấy phép và của nhà thầu thi công về thực hiện theo đúng giấy phép cho phép của UBND tỉnh, về chấp hành các quy định của Luật đê điều và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình đê điều, không làm cản trở gây ách tắc dòng chảy trong quá trình thi công và trong mùa lụt, bão" và cắt giảm số lượng bộ hồ sơ từ 03 bộ (01 bộ bản chính, 02 bộ bản sao) xuống còn 01 bộ bản chính.

Lý do: hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, có thể bỏ thành phần hồ sơ này và cắt giảm số lượng bộ hồ sơ để giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân.

c. Về thời hạn giải quyết

Tại Điều 5 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục này. Theo đó, tổng thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc.

Hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt hiện 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 4, Điều 5 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ là “Chi cục Đề điều và Phòng chống thiên tai”, cơ quan thẩm định hồ sơ là “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa thành “*Chi cục Thủy lợi*”, cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị sửa thành “*Sở Nông nghiệp và Môi trường*” để phù hợp với tổ chức bộ máy hiện nay.

đ. Về đối tượng thực hiện

Tại Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa chưa quy định rõ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

Đề nghị bổ sung quy định rõ về đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là tổ chức/cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

e. Về cách thức thực hiện

Tại Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa chưa quy định cách thức thực hiện.

Đề nghị bổ sung quy định về cách thức thực hiện gồm trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi.

21.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này và công bố thủ tục hành chính mới là: “*Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

- Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp phép

đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

+ Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 8 tại khoản a Điều 3.

+ Sửa đổi Điều 4 thành:

“Điều 4. Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy phép

Chi cục Thủy lợi là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nội dung hồ sơ và tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến đề điều.”

+ Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 5 thành:

“2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức cá nhân xin cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết; nếu đủ điều kiện thì trình UBND tỉnh cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép và thông báo lý do không cấp phép. Thời gian giải quyết của UBND tỉnh không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian UBND tỉnh xin ý kiến thỏa thuận và phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với đề cấp đặc biệt, đề cấp I, đề cấp II, đề cấp III).

Đối với những hoạt động quy định tại các điểm a, b tại Điều 2 của Quy định này đối với đề cấp đặc biệt, đề cấp I, đề cấp II, đề cấp III phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh ra Quyết định cấp phép hoặc không cấp phép các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá cho cơ quan, tổ chức, cá nhân xin phép.”

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 39.331.250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.687.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 26.603.125 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 67,742%.

22. Các thủ tục:

- Cấp Giấy phép nạo vét luồng, lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006668);
- Cấp Giấy phép xây dựng công trình ngầm, khoan đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi một kilomet (1km) tính từ biên ngoài phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006671);
- Cấp Giấy phép để vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006669);
- Cấp Giấy phép sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.006666)

22.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về tên thủ tục hành chính

Tại Điều 2 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa quy định tên thủ tục hành chính này.

Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính này thành “*Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” để thống nhất công bố 01 thủ tục chung liên quan đến hoạt động quản lý đê điều theo quy định tại Quyết định số 1524/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b. Về thành phần, số lượng bộ hồ sơ

Tại Điều 3 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ thành phần và số lượng bộ hồ sơ gồm:

“Điều 3 . Hồ sơ xin cấp giấy phép :

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép cho các hoạt động cụ thể liên qua đến đê điều.
- Quyết định của cấp có thẩm quyền về chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư của công trình, dự án có liên quan đến đê điều.
- Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình (đối với dự án thực hiện 2 bước); phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với dự án thực hiện 1 bước).
- Ý kiến bằng văn bản của các cấp, các ngành liên quan về công trình, dự án gồm: Tài liệu khảo sát địa hình, địa chất (bao gồm báo cáo kết quả khảo sát,

biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát và các bản vẽ như Bình đồ hiện trạng, Cắt dọc, Cắt ngang ...); bản thuyết minh và các bản vẽ kỹ thuật.

- Tài liệu tính toán về ảnh hưởng của công trình đến thoát lũ, dòng chảy, lòng sông, bờ sông và an toàn đê điều đã được cơ quan chức năng có tư cách pháp nhân thẩm định bằng văn bản (đối với hoạt động ở bãi sông, lòng sông);

- Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc chỉ định thầu thi công công trình;

- Tiến độ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Văn bản cam kết của tổ chức, cơ quan, đơn vị xin cấp giấy phép và của nhà thầu thi công về thực hiện theo đúng giấy phép cho phép của UBND tỉnh, về chấp hành các quy định của Luật đê điều và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình đê điều, không làm cản trở gây ách tắc dòng chảy trong quá trình thi công và trong mùa lụt, bão.

b) Số lượng hồ sơ

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải chuẩn bị:

- Đối với các trường hợp: Cắt xẻ đê để xây dựng công trình (bao gồm cả xây dựng cống qua đê); Khoan đào trong phạm vi bảo vệ đê điều và xây dựng công trình đặc biệt (công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thông tin liên lạc, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm; Cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền; Di tích lịch sử, văn hóa, khu phố cổ, làng cổ; Cụm tuyến dân cư sống chung với lũ và trên các cù lao) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông: 04 bộ Hồ sơ (01 bộ bản chính, 03 bộ bản sao).

- Đối với các trường hợp còn lại: 03 bộ hồ sơ (01 bộ bản chính, 02 bộ bản sao)."

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: "Văn bản cam kết của tổ chức, cơ quan, đơn vị xin cấp giấy phép và của nhà thầu thi công về thực hiện theo đúng giấy phép cho phép của UBND tỉnh, về chấp hành các quy định của Luật đê điều và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình đê điều, không làm cản trở gây ách tắc dòng chảy trong quá trình thi công và trong mùa lụt, bão" và cắt giảm số lượng bộ hồ sơ từ 03 bộ (01 bộ bản chính, 02 bộ bản sao) xuống còn 01 bộ bản chính.

Lý do: Có thể bỏ thành phần hồ sơ này và cắt giảm số lượng bộ hồ sơ để giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân.

c. Về thời hạn giải quyết:

Tại Điều 5 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục này. Theo đó, tổng thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc.

Hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ giấy tờ được số hóa và xử lý trên môi trường điện tử và theo chủ trương cải

cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026, mục tiêu đến năm 2026 thực hiện cắt hiện 50% thời hạn giải quyết TTHC. Do đó, đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết đối với thủ tục này từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

d. Về cơ quan thực hiện TTHC

Tại Điều 4, Điều 5 Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ là “Chi cục Đề điều và Phòng chống thiên tai”, cơ quan thẩm định hồ sơ là “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị sửa thành “Chi cục Thủy lợi”, cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị sửa thành “Sở Nông nghiệp và Môi trường” để phù hợp với tổ chức bộ máy hiện nay.

e. Về đối tượng thực hiện TTHC

Tại Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa chưa quy định rõ đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

Đề nghị bổ sung quy định rõ về đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là tổ chức/cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

f. Về cách thức thực hiện

Tại Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa chưa quy định cách thức thực hiện.

Đề nghị bổ sung quy định về cách thức thực hiện gồm trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi.

22.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này và công bố thủ tục hành chính mới là: *“Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”*.

- Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2850/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng như sau:

+ Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 8 tại khoản a Điều 3.

+ Sửa đổi Điều 4 thành:

“Điều 4. Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy phép

Chi cục Thủy lợi là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nội dung hồ sơ và tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến đề điều.”

+ Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 5 thành:

“2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức cá nhân xin cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết; nếu đủ điều kiện thì trình UBND tỉnh cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép và thông báo lý do không cấp phép. Thời gian giải quyết của UBND tỉnh không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian UBND tỉnh xin ý kiến thỏa thuận và phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với đề cấp đặc biệt, đề cấp I, đề cấp II, đề cấp III).

Đối với những hoạt động quy định tại các điểm a, b tại Điều 2 của Quy định này đối với đề cấp đặc biệt, đề cấp I, đề cấp II, đề cấp III phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh ra Quyết định cấp phép hoặc không cấp phép các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá cho cơ quan, tổ chức, cá nhân xin phép.”

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.356.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 437.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 918.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 67,742%.

26. Thủ tục: Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.010856)

26.1. Nội dung đơn giản hóa

Thủ tục này được quy định tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025. Tuy nhiên, do chính sách này đã được ban hành tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi *(có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/9/2024)* nên đề nghị bãi bỏ thủ tục này.

26.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bãi bỏ điểm 1.6 khoản 1 Điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 656.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 656.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 100%./.